

Họ, tên thí sinh:

Mã đề thi 301

Số báo danh:

Câu 41: Miền Tây Trung Quốc là nơi có

A. hạ lưu các con sông lớn.

B. nhiều đồng bằng châu thổ.

C. nhiều hoang mạc rộng lớn.

D. khí hậu ôn đới hải dương.

Câu 42: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 4 - 5, cho biết tỉnh nào sau đây **không** giáp Campuchia?

A. Đắk Lắk.

B. Gia Lai.

C. Quảng Nam.

D. Kon Tum.

Câu 43: Nước ta tiếp giáp với Biển Đông, nên có

A. nhiệt độ trung bình cao. B. độ ẩm không khí lớn. C. địa hình nhiều đồi núi. D. sự phân mùa khí hậu.

Câu 44: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 13, cho biết sông Bến Hải đổ ra biển qua cửa nào sau đây?

A. Cửa Gianh.

B. Cửa Nhượng.

C. Cửa Hội.

D. Cửa Tùng.

Câu 45: Phát biểu nào sau đây **không** đúng với tự nhiên Đông Nam Á biển đảo?

A. Khí hậu có một mùa đông lạnh.

B. Đồng bằng có đất đai màu mỡ.

C. Tập trung nhiều đảo, quần đảo.

D. Ít đồng bằng, nhiều đồi núi.

Câu 46: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 29, cho biết nhà máy thủy điện Trị An thuộc tỉnh nào sau đây?

A. Đồng Nai.

B. Tây Ninh.

C. Bình Phước.

D. Bình Dương.

Câu 47: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 17, cho biết Khu kinh tế cửa khẩu Bờ Y thuộc tỉnh nào sau đây?

A. Lâm Đồng.

B. Kon Tum.

C. Đắk Lắk.

D. Đắk Nông.

Câu 48: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 27, cho biết cảng biển Nhật Lệ thuộc tỉnh nào sau đây?

A. Thanh Hóa.

B. Nghệ An.

C. Quảng Trị.

D. Quảng Bình.

Câu 49: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 28, cho biết sân bay Phù Cát thuộc tỉnh nào sau đây?

A. Bình Định.

B. Phú Yên.

C. Quảng Nam.

D. Quảng Ngãi.

Câu 50: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 25, cho biết vườn quốc gia nào sau đây nằm trên đất liền?

A. Cát Bà.

B. Tràm Chim.

C. Phú Quốc.

D. Côn Đảo.

Câu 51: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 8, cho biết crôm có ở nơi nào sau đây?

A. Cổ Định.

B. Quỳ Châu.

C. Thạch Khê.

D. Tiền Hải.

Câu 52: Phát biểu nào sau đây **không** đúng về đô thị hóa ở nước ta?

A. Tỷ lệ dân đô thị có xu hướng tăng.

B. Quá trình đô thị hóa diễn ra chậm.

C. Trình độ đô thị hóa chưa cao.

D. Phân bố đô thị đồng đều cả nước.

Câu 53: Phát biểu nào sau đây **không** đúng với ASEAN hiện nay?

A. Mở rộng liên kết với các nước bên ngoài.

B. Là một tổ chức lớn mạnh hàng đầu thế giới.

C. Trình độ phát triển khác nhau giữa các nước.

D. Quan tâm đến nâng cao trình độ nhân lực.

Câu 54: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 9, cho biết nhận xét nào sau đây đúng về chế độ nhiệt của Lạng Sơn so với Nha Trang?

A. Biên độ nhiệt độ trung bình năm nhỏ hơn.

B. Nhiệt độ trung bình năm cao hơn.

C. Nhiệt độ trung bình tháng VII cao hơn.

D. Nhiệt độ trung bình tháng I thấp hơn.

Câu 55: Phát biểu nào sau đây **không** đúng với khí hậu phần lãnh thổ phía Bắc nước ta (từ dãy Bạch Mã trở ra)?

A. Trong năm có một mùa đông lạnh.

B. Có 2 - 3 tháng nhiệt độ dưới 18°C.

C. Biên độ nhiệt độ trung bình năm nhỏ.

D. Nhiệt độ trung bình năm trên 20°C.

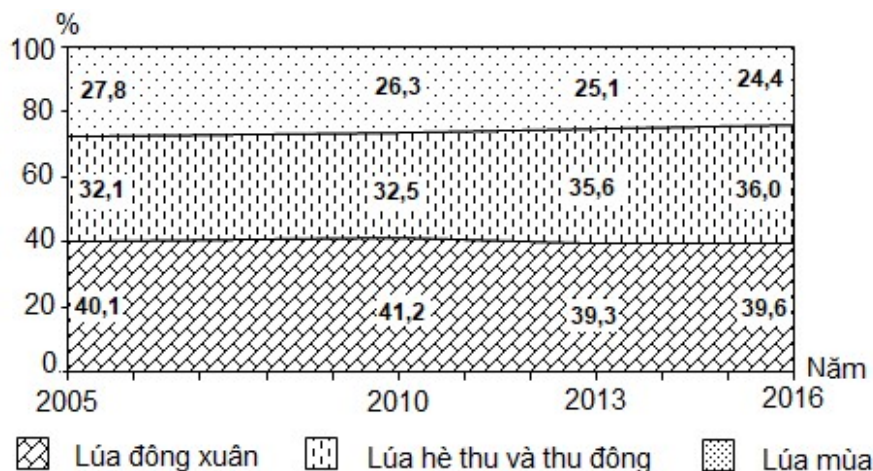
Câu 56: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 20, cho biết phát biểu nào sau đây đúng khi so sánh sản lượng thủy sản của một số tỉnh?

- A. Nuôi trồng của Hậu Giang lớn hơn Đồng Tháp. B. Khai thác của Bình Thuận nhỏ hơn Hậu Giang.
C. Khai thác của Kiên Giang lớn hơn Đồng Tháp. D. Nuôi trồng của Cà Mau nhỏ hơn Đồng Nai.

Câu 57: Biểu hiện của chuyển dịch cơ cấu lãnh thổ kinh tế ở nước ta là

- A. các khu công nghiệp tập trung và vùng chuyên canh được hình thành.
B. nhiều hoạt động dịch vụ mới ra đời và hình thành các vùng động lực.
C. tỉ trọng của công nghiệp chế biến tăng, công nghiệp khai thác giảm.
D. Nhà nước quản lí các ngành kinh tế và các lĩnh vực kinh tế then chốt.

Câu 58: Cho biểu đồ:



CƠ CẤU DIỆN TÍCH LÚA PHÂN THEO MÙA VỤ CỦA NƯỚC TA, GIAI ĐOẠN 2005 - 2016

(Nguồn số liệu theo Niên giám thống kê Việt Nam 2016, NXB Thống kê, 2017)

Theo biểu đồ, nhận xét nào sau đây **không** đúng về sự thay đổi tỉ trọng trong cơ cấu diện tích lúa phân theo mùa vụ của nước ta, giai đoạn 2005 - 2016?

- A. Lúa hè thu và thu đông tăng, lúa mùa tăng. B. Lúa hè thu và thu đông tăng, lúa mùa giảm.
C. Lúa hè thu và thu đông tăng, lúa đông xuân giảm. D. Lúa mùa giảm, lúa đông xuân giảm.

Câu 59: Cho bảng số liệu:

XUẤT, NHẬP KHẨU HÀNG HÓA VÀ DỊCH VỤ CỦA XIN-GA-PO, GIAI ĐOẠN 2010 - 2015

(Đơn vị: Tỷ đô la Mỹ)

Năm	2010	2012	2014	2015
Xuất khẩu	471,1	565,2	588,5	516,7
Nhập khẩu	408,6	496,8	513,6	438,0

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2016, NXB Thống kê, 2017)

Theo bảng số liệu, nhận xét nào sau đây đúng về cán cân xuất, nhập khẩu hàng hóa và dịch vụ của Xin-ga-po, giai đoạn 2010 - 2015?

- A. Giá trị xuất siêu năm 2012 lớn hơn năm 2015. B. Từ năm 2010 đến năm 2015 đều xuất siêu.
C. Từ năm 2010 đến năm 2015 đều nhập siêu. D. Giá trị xuất siêu năm 2014 nhỏ hơn năm 2010.

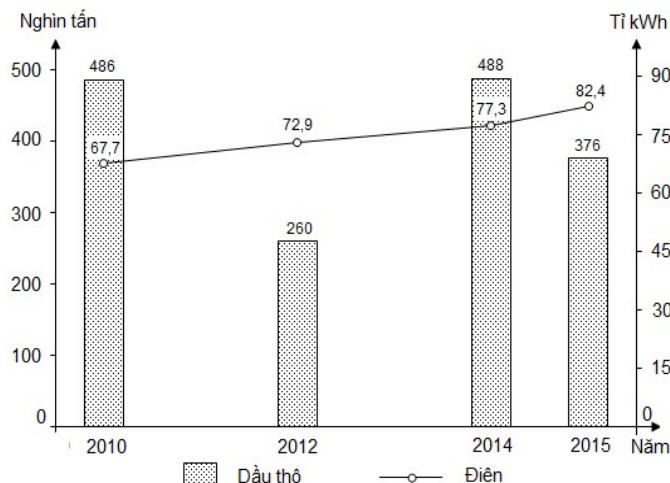
Câu 60: Phát biểu nào sau đây **không** đúng với ngành hàng không của nước ta hiện nay?

- A. Cơ sở vật chất hiện đại hóa nhanh chóng. B. Mở nhiều đường bay thẳng đến các nước.
C. Ngành non trẻ nhưng phát triển rất nhanh. D. Vận chuyển khối lượng hàng hóa lớn nhất.

Câu 61: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 22, cho biết phát biểu nào sau đây **không** đúng với công nghiệp chế biến lương thực, thực phẩm nước ta?

- A. Công nghiệp chế biến lương thực phân bố rộng rãi.
B. Hải Phòng, Biên Hòa là các trung tâm quy mô lớn.
C. Có các trung tâm với quy mô rất lớn, lớn, vừa, nhỏ.
D. Đà Nẵng và Vũng Tàu có cơ cấu ngành giống nhau.

Câu 62: Cho biểu đồ về dầu thô và điện của Phi-lip-pin, giai đoạn 2010 - 2015:



(Nguồn số liệu theo Niên giám thống kê Việt Nam 2016, NXB Thống kê, 2017)

Biểu đồ thể hiện nội dung nào sau đây?

- A. Quy mô, cơ cấu sản lượng dầu thô và điện của Phi-lip-pin, giai đoạn 2010 - 2015.
- B. Sản lượng dầu thô và sản lượng điện của Phi-lip-pin, giai đoạn 2010 - 2015.
- C. Chuyển dịch cơ cấu sản lượng dầu thô và điện của Phi-lip-pin, giai đoạn 2010 - 2015.
- D. Tốc độ tăng trưởng sản lượng dầu thô và điện của Phi-lip-pin, giai đoạn 2010 - 2015.

Câu 63: Yếu tố nào sau đây là chủ yếu thúc đẩy việc phát triển giao thông vận tải biển nước ta hiện nay?

- A. Hội nhập toàn cầu sâu, rộng.
- B. Hoạt động du lịch phát triển.
- C. Vùng biển rộng, bờ biển dài.
- D. Nhiều vũng, vịnh sâu, kín gió.

Câu 64: Thế mạnh hàng đầu của vùng kinh tế trọng điểm miền Trung nước ta là

- A. vị trí thuận lợi cho phát triển kinh tế và giao lưu hàng hóa.
- B. khai thác tổng hợp tài nguyên biển, khoáng sản và rừng.
- C. nguồn lao động rẻ, chất lượng ngày càng được nâng cao.
- D. mạng lưới giao thông vận tải đang được đầu tư phát triển.

Câu 65: Ngoại thương của Nhật Bản có vai trò to lớn trong nền kinh tế chủ yếu là do

- A. thực hiện việc hợp tác phát triển với nhiều quốc gia.
- B. nền kinh tế gắn bó chặt chẽ với thị trường thế giới.
- C. nhu cầu về hàng hóa nhập ngoại của người dân cao.
- D. hoạt động đầu tư ra các nước ngoài phát triển mạnh.

Câu 66: Trung Quốc phát triển các ngành công nghiệp ở nông thôn chủ yếu dựa trên những thế mạnh nào sau đây?

- A. Thị trường tiêu thụ rộng và lao động có trình độ cao tập trung nhiều.
- B. Cơ sở hạ tầng hiện đại, cơ sở vật chất kĩ thuật được đầu tư tốt hơn.
- C. Nguồn tài nguyên khoáng sản phong phú và cơ sở hạ tầng hiện đại.
- D. Lực lượng lao động đông và nguồn nguyên vật liệu tại chỗ dồi dào.

Câu 67: Yếu tố nào sau đây tác động chủ yếu đến vấn đề thiếu việc làm ở Đồng bằng sông Hồng?

- A. Chất lượng lao động chưa đáp ứng yêu cầu.
- B. Phân bố dân cư, nguồn lao động chưa hợp lí.
- C. Có nhiều đô thị tập trung dân cư đông đúc.
- D. Việc chuyển dịch cơ cấu kinh tế còn chậm.

Câu 68: Công nghiệp chế biến thực phẩm phân bố rộng khắp các nước Đông Nam Á là do nguyên nhân chủ yếu nào sau đây?

- A. Cơ sở vật chất kĩ thuật tương đối tốt.
- B. Cơ sở hạ tầng ngày càng hiện đại.
- C. Chất lượng lao động ngày càng cao.
- D. Nguồn nguyên liệu tại chỗ phong phú.

Câu 69: Yếu tố nào sau đây có tác động chủ yếu đến sự tăng nhanh giá trị nhập khẩu của nước ta hiện nay?

- A. Nhu cầu của quá trình công nghiệp hóa.
- B. Nhu cầu của chất lượng cuộc sống cao.
- C. Việc phát triển của quá trình đô thị hóa.
- D. Sự tham gia của nhiều thành phần kinh tế.

Câu 70: Khó khăn lớn nhất vào mùa khô của Đồng bằng sông Cửu Long là

- A. mực nước sông thấp, thủy triều ảnh hưởng mạnh.
- B. nguy cơ cháy rừng cao, đất nhiễm mặn hoặc phèn.
- C. đất nhiễm mặn hoặc phèn, mực nước ngầm hạ thấp.
- D. thiếu nước ngọt trầm trọng, xâm nhập mặn lấn sâu.

Câu 71: Nguyên nhân nào sau đây là chủ yếu làm cho hoạt động nuôi trồng thủy sản ở nước ta hiện nay phát triển nhanh?

- A. Thị trường tiêu thụ ngày càng được mở rộng. B. Diện tích mặt nước nuôi trồng thủy sản tăng.
C. Công nghiệp chế biến đáp ứng được nhu cầu. D. Ứng dụng nhiều tiến bộ của khoa học kỹ thuật.

Câu 72: Nhân tố nào sau đây tác động chủ yếu đến sự thay đổi cơ cấu kinh tế nông thôn ven biển ở Bắc Trung Bộ?

- A. Mở rộng các cơ sở công nghiệp chế biến thủy sản.
B. Đẩy mạnh nuôi trồng thủy sản nước mặn, nước lợ.
C. Tăng cường phương tiện hiện đại để đánh bắt xa bờ.
D. Phát triển cơ sở hạ tầng kỹ thuật dịch vụ nghề cá.

Câu 73: Thế mạnh nổi bật của Duyên hải Nam Trung Bộ trong phát triển giao thông vận tải biển so với Bắc Trung Bộ là

- A. nhiều vũng, vịnh nước sâu và gần tuyến hàng hải quốc tế.
B. có nhiều địa điểm thuận lợi để xây dựng cảng tổng hợp.
C. có nhiều đảo thuận lợi cho các tàu thuyền neo đậu, trú ẩn.
D. vùng biển ít chịu ảnh hưởng của bão, gió mùa Đông Bắc.

Câu 74: Mục đích chủ yếu của việc khai thác lãnh thổ theo chiều sâu ở Đông Nam Bộ là

- A. khai thác có hiệu quả các nguồn lực và bảo vệ môi trường.
B. sử dụng hợp lý nguồn tài nguyên và giải quyết việc làm.
C. giải quyết tốt các vấn đề xã hội và đa dạng hóa nền kinh tế.
D. chuyển dịch cơ cấu kinh tế và khai thác hợp lý tài nguyên.

Câu 75: Yếu tố nào sau đây tác động chủ yếu đến việc sản xuất theo hướng hàng hóa trong chăn nuôi ở nước ta hiện nay?

- A. Trình độ lao động được nâng cao. B. Nhu cầu thị trường tăng nhanh.
C. Dịch vụ thú y có nhiều tiến bộ. D. Cơ sở thức ăn được đảm bảo hơn.

Câu 76: Cho bảng số liệu:

GIÁ TRỊ XUẤT, NHẬP KHẨU CỦA NƯỚC TA, GIAI ĐOẠN 2005 - 2016

(Đơn vị: Triệu đô la Mỹ)

Năm	2005	2010	2012	2016
Xuất khẩu	32447,1	72236,7	114529,2	176580,8
Nhập khẩu	36761,1	84838,6	113780,4	174803,8

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2016, NXB Thống kê, 2017)

Theo bảng số liệu, để thể hiện tốc độ tăng trưởng giá trị xuất, nhập khẩu của nước ta, giai đoạn 2005 - 2016, dạng biểu đồ nào sau đây là thích hợp nhất?

- A. Kết hợp. B. Đường. C. Miền. D. Cột.

Câu 77: Ý nghĩa chủ yếu của việc tăng cường chuyên môn hóa sản xuất nông nghiệp ở nước ta là

- A. tạo thêm nhiều việc làm cho số lượng lớn người lao động.
B. đáp ứng tốt nhu cầu chuyển dịch cơ cấu ngành và lãnh thổ.
C. khai thác có hiệu quả sự đa dạng, phong phú của tự nhiên.
D. tạo ra khối lượng nông sản hàng hóa lớn và có chất lượng.

Câu 78: Ngành công nghiệp nước ta tiếp tục được đầu tư đổi mới trang thiết bị và công nghệ chủ yếu nhằm

- A. nâng cao về chất lượng và hạ giá thành sản phẩm. B. đẩy nhanh quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế.
C. phù hợp tình hình phát triển thực tế của đất nước. D. đáp ứng nhu cầu thị trường trong và ngoài nước.

Câu 79: Việc đẩy mạnh sản xuất cây công nghiệp ở Trung du và miền núi Bắc Bộ gặp khó khăn chủ yếu nào sau đây?

- A. Mật độ dân số thấp, phong tục cũ còn nhiều. B. Trình độ thâm canh còn thấp, đầu tư vật tư ít.
C. Nạn du canh, du cư còn xảy ra ở một số nơi. D. Công nghiệp chế biến nông sản còn hạn chế.

Câu 80: Biện pháp cấp bách nhất hiện nay để bảo vệ rừng tự nhiên ở Tây Nguyên là

- A. đóng cửa rừng, ngăn chặn tình trạng phá rừng. B. chú trọng giao đất, giao rừng cho người dân.
C. đẩy mạnh việc khoanh nuôi, trồng rừng mới. D. khai thác rừng hợp lý, đẩy mạnh chế biến gỗ.

----- HẾT -----

- Thí sinh được sử dụng Atlas Địa lý Việt Nam do NXB Giáo dục Việt Nam phát hành từ năm 2009 đến nay.

- Cán bộ coi thi không giải thích gì thêm.